

Bản án số: 54/2022/DS-PT

Ngày 01 - 8 - 2022

V/v: “Tranh chấp khoản tiền bồi thường
do quyền sử dụng đất bị thu hồi”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Xuân Long

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Minh Châu

Ông Đặng Đức Hào

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 7 và ngày 01 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 44/2022/TLPT-DS ngày 18 tháng 5 năm 2022, về việc “Tranh chấp khoản tiền bồi thường do quyền sử dụng đất bị thu hồi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 18 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2022/QĐ-PT ngày 11-7-2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1945; địa chỉ: Tổ X, khu phố Y, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông B: Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1971; địa chỉ số X, khu phố Y, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

2. *Bị đơn:*

- Ông Lê Văn L, sinh năm 1929 và bà Ngô Thị C, sinh năm 1933; HKTT: số X, khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (ông L, bà C đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông L, bà C: Ông Lê Duy H, sinh năm 1975 (vắng mặt) và Lê Thị Thu B, sinh năm 1960 (vắng mặt); cùng trú tại khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1945 (vắng mặt) và bà Trần Thị B1, sinh năm 1952 (vắng mặt); cùng trú tại: Số X, khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1960 (vắng mặt) và bà Đinh Thị Kim T, sinh năm 1964 (vắng mặt); cùng trú tại: Số X, khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Ông Bùi Văn N1, sinh năm 1957 (vắng mặt) và bà Võ Thị Tuyết M, sinh năm 1957 (vắng mặt); cùng trú tại: Khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Ông Thái Văn T1, sinh năm 1921 và bà Võ Thị L1, sinh năm 1923; cùng trú tại: khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (ông Thừa, bà Long đã chết).

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T1, bà L1: Ông Thái Hiệp T2, sinh năm 1964 (vắng mặt); trú tại: khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1964 (vắng mặt); trú tại: Số X, khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1937 (vắng mặt); trú tại: Số X, khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Ông Nguyễn Văn B1, sinh năm 1956 (vắng mặt), bà Võ Thị Tuyết M, sinh năm 1958 (vắng mặt); cùng trú tại: Số X, khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1958 (vắng mặt); trú tại: Số X, khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Ông Châu Ngọc M1, sinh năm 1963 (vắng mặt); trú tại: Số X, khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Bà Nguyễn Thị Ánh T2, sinh năm 1964 (vắng mặt); trú tại: Số X, khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Ông Nguyễn Văn D1, sinh năm 1920 (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông D1: Ông Nguyễn Tấn T3, sinh năm 1959 (vắng mặt), bà Phan Thị X, sinh năm 1962 (vắng mặt); cùng địa chỉ: Số X, khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Ông Bùi Văn L2, sinh năm 1955 (vắng mặt), bà Ngô Thị N2, sinh năm 1956 (vắng mặt); trú tại: Số X, khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Ông Phạm Quốc T4, sinh năm 1950 (vắng mặt); trú tại: Số X, khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Ông Nguyễn Văn N3, sinh năm 1928 (đã chết), bà Võ Thị T5, sinh năm 1934 (đã chết); địa chỉ: Số X, khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông N3, bà T5: bà Nguyễn Thị L4, sinh năm 1964 (vắng mặt); bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1968 (vắng mặt) và bà Nguyễn Thị L5, sinh năm 1975 (vắng mặt).

- Ông Trần Văn L6, sinh năm 1951 (vắng mặt) bà Đoàn Thị H4, sinh năm 1951 (vắng mặt); trú tại: Số X, khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Bà Nguyễn Thị Thu T5, sinh năm 1963 (vắng mặt); địa chỉ: Số X, khu phố Y, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Ông Trần Thế H5, sinh năm 1964 (vắng mặt); địa chỉ: Số X, ấp A, xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Ông Đặng Văn T6 (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T6: Bà Đặng Thị Mai H6, sinh năm 1957 (vắng mặt); địa chỉ: Số X, đường Y, quận P, TP Hồ Chí Minh.

- Ông Võ Phúc K là tu sĩ đã chết; Trụ trì thay thế: Ông Huỳnh Công B1, sinh năm 1969 (vắng mặt); hiện trụ trì chùa L, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Bà Trần Thị Q, sinh năm 1918 (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Q: Bà Lê Thị T7, sinh năm 1954 (vắng mặt); địa chỉ: Số X, khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Ông Nguyễn Văn T8 và bà Phạm thị T9 (chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T8, bà T9 là các ông (bà): Ông Nguyễn Hữu K, sinh năm 1956 (vắng mặt), địa chỉ: Số X, đường Y, phường Z, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Ông Nguyễn Anh D2, sinh năm 1959 (vắng mặt), địa chỉ: Số X, tổ Y, khu phố Z, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Bà Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1961 (vắng mặt), địa chỉ: số X đường L, phường Y, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1966 (vắng mặt), địa chỉ: Khu phố X, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Ông Nguyễn Ngọc H7, sinh năm 1968 (vắng mặt), địa chỉ: Tổ X, khu phố Y, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Bà Nguyễn Ngọc N4, sinh năm 1970 (vắng mặt), địa chỉ: khu phố Y, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của các bị đơn (gồm các ông (bà): Lê Duy H, Lê Thị Thu B, Nguyễn Văn L1, Trần Thị B1, Nguyễn Thành N, Đinh Thị Kim T, Bùi Văn Nhuận, Võ Thị Tuyết M, Thái Hiệp T2, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Thị D, Nguyễn Văn B1, Võ Thị Tuyết M, Nguyễn Văn H2, Châu

Ngọc M1, Nguyễn Thị Ánh T2, Nguyễn Tấn T3, Phan Thị X, Bùi Văn L2, Ngô Thị N2, Phạm Quốc T4, Nguyễn Thị L4, Nguyễn Thị H3, Nguyễn Thị L5, Trần Văn L6, Đoàn Thị H4, Nguyễn Thị Thu T5, Trần Thế H5, Đặng Thị Mai H6, Huỳnh Công B1, Lê Thị T7, ông Nguyễn Thanh S): Ông Lý Mộng K1, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ X, khu phố Y, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1966 (có mặt), bà Nguyễn Thị L5, sinh năm 1968 (có mặt); ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1971 (có mặt); bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1973 (có mặt); bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1975 (có mặt); bà Nguyễn Thị Thu N5, sinh năm 1977 vắng mặt (bà N5 ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Nguyễn Hữu Đ); ông Nguyễn Hữu T7, sinh năm 1980 (có mặt) và bà Nguyễn Thu T8, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Cùng trú tại: Tổ X, khu phố Y, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; địa chỉ: Số X, đường Y, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND là ông Đoàn A - Chuyên viên Phòng TNMT thành phố B (vắng mặt) và ông Trần Thế Tr - Phó giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B (vắng mặt).

4. Người kháng cáo:

Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1971 (có mặt); bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1973 (có mặt); bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1975 (có mặt); ông Nguyễn Hữu T7, sinh năm 1980 (có mặt), ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1966 (có mặt) và bà Nguyễn Thu T8, sinh năm 1982 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 31-7-2018; ngày 03-5-2019 và quá trình tố tụng tại Tòa ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Hữu Đ đều trình bày:

Nguyên từ năm 1972, ông B có nhận chuyển nhượng của ông H (nay đã chết) phân đất dùng ước tính diện tích khoảng 1,5ha để nuôi thủy sản (tôm, cá) và cũng để chứa nước làm ruộng muối. Trong quá trình sử dụng ông B có cải tạo mở rộng thêm phần diện tích khoảng 01 ha nữa, tổng cộng 2,5ha. Đến năm 1998 Nhà nước thu hồi 2.082m² đất để làm công trình nhà máy sản xuất muối công nghiệp và bồi thường cho ông B số tiền 52.618.000 đồng. Phần diện tích còn lại hiện nay là thửa số 112, tờ bản đồ số 35, diện tích 23.902,4m² tọa lạc tại phường Long Toàn thành phố B.

Trong quá trình canh tác, sử dụng hơn 40 năm chỉ có gia đình ông B bỏ công sức, tiền của để nạo vét, làm bờ dùng nhưng xét thấy bà con xóm giềng

làm muối gần nhau nên ông B có cho 05 hộ như: ông Lê Văn L, Trần Văn L6, Nguyễn Văn B1, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Văn L1 lấy nước từ đùng của ông B để dẫn vào ruộng muối của họ.

Nhưng khi UBND thành phố B thu hồi 1.046m² (thuộc một phần thửa 112, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại phường Long Toàn) và bồi thường số tiền 1.173.179.000 đồng để đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Cục Hải quan tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu thì 05 hộ trên và các hộ nữa (nhưng ông B không biết họ là ai) xin đăng ký nhận tiền bồi thường và xảy ra tranh chấp. Việc mua đất của ông B và ông H có lập giấy tờ tay nhưng nay đã thất lạc. Tuy nhiên, ông B còn lưu giữ những giấy tờ khác để chứng minh ông B là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất này như:

- Đơn xin vay kiêm khế ước ngày 10-9-1976 (tại đơn vay thể hiện rõ là ông B vay vốn để thuê 250 công lao động và làm đùng và sửa ruộng muối;

- Biên bản giao nhận tiền đền bù ngày 25-5-1998 (ông B được UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đền bù 52.618.000 đồng khi thu hồi 2.082m² đất đùng để xây dựng nhà máy sản xuất muối công nghiệp phường Long Toàn);

- Tại biên bản hòa giải ngày 23-8-2017 của UBND phường Long Toàn thì chính các hộ dân tranh chấp đùng với ông B thừa nhận ông B đắp bờ, canh tác, sử dụng và hưởng sản lượng tôm, cá trên đùng này.

Tại phiên tòa, ông Đ yêu cầu tuyên công nhận cho các ông (bà) Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Thu T8, Nguyễn Thị Thu V, Nguyễn Hữu T7, Nguyễn Thị S, Nguyễn Hữu P, Nguyễn Thị L5, Nguyễn Thị Thu N5 (là con ruột của ông Nguyễn Văn B và bà Hồ Thị S1 đều đã chết) được nhận số tiền bồi thường 1.173.179.000 đồng đối với phần đất 1.046,5m² bị thu hồi trong quyết định số 2880/QĐ-UBND ngày 29-6-2017 và việc bồi thường, hỗ trợ trong quyết định số 2887/QĐ-UBND ngày 29-6-2017 của UBND thành phố B. Ngoài yêu cầu trên nguyên đơn không yêu cầu nào khác.

Tại bản tự khai ngày 29-9-2018 và quá trình tố tụng tại tòa ông Lý Mộng K1 - đại diện theo ủy quyền của các bị đơn đều xác nhận:

Ngày 18-6-2018, Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã thụ lý hồ sơ dân sự số 167/2018/TLST-DS, về tranh chấp “Đòi tài sản” theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn B đối với 22 bị đơn bị thu hồi 1.046,5m² đất tọa lạc tại phường Long Toàn, thành phố B để đầu tư dự án: trụ sở làm việc Cục Hải quan tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo Quyết định số 2880/QĐ-UBND ngày 29-6-2017. Nay ông K1 được nhận ủy quyền của những bị đơn nêu trên có ý kiến như sau:

- Diện tích 23.904,2m² do tập thể bà con Diêm dân khai phá trước năm 1975 để lấy nước làm muối thuộc thửa 112, tờ bản đồ số 35 tọa lạc tại phường Long Toàn, thành phố B và hàng năm đều sử dụng lấy nước mặn để làm muối.

- Ngày 15-3-2017, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B ra Thông báo số 435/TB-TTPTQĐ công khai phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư đối

với tập thể 22 hộ dân thuộc dự án trụ sở làm việc Cục Hải quan tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Ngày 29-6-2017, UBND thành phố B Ban hành Quyết định số 2887, về việc hỗ trợ bồi thường, số tiền 1.173.179.000 đồng cho tập thể 22 hộ dân.

- Việc UBND thành phố B công nhận thửa 112, tờ bản đồ số 35, diện tích 23.904,2m² để ra quyết định thu hồi và đền bù hỗ trợ tái định cư. Nay ông B khởi kiện yêu cầu cho ông được nhận tiền và công nhận phần đất cho ông là hoàn toàn không có căn cứ. Vì vậy, ông K1 đề nghị Tòa bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B và ông Nguyễn Hữu Đ – Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

1- Các ông(bà) Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Thu T8, Nguyễn Thị Thu V, Nguyễn Hữu T7, Nguyễn Thị S, Nguyễn Hữu P đều trình bày: Nguyên từ năm 1972, ông B có nhận chuyển nhượng của ông H (nay đã chết) phần đất dùng ước tính diện tích khoảng 1,5ha để nuôi thủy sản (tôm, cá) và cũng để chứa nước làm ruộng muối. Trong quá trình sử dụng ông B có cải tạo mở rộng thêm phần diện tích khoảng 01 ha nữa, tổng cộng 2,5ha. Đến năm 1998 Nhà nước thu hồi 2.082m² đất để làm công trình nhà máy sản xuất muối công nghiệp và bồi thường cho ông B số tiền 52.618.000 đồng. Phần diện tích còn lại hiện nay là thửa số 112, tờ bản đồ số 35, diện tích 2.3902,4m² tọa lạc tại phường Long Toàn thành phố B.

Trong quá trình canh tác, sử dụng hơn 40 năm chỉ có gia đình ông B bỏ công sức, tiền của để nạo vét, làm bờ dùng nhưng xét thấy bà con xóm giềng làm muối gần nhau nên ông B có cho 05 hộ như: ông Lê Văn L, Trần Văn L6, Nguyễn Văn B1, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Văn L1 lấy nước từ dùng của ông B để dẫn vào ruộng muối của họ.

Nhưng khi UBND thành phố B thu hồi 1.046m² (thuộc một phần thửa 112, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại phường Long Toàn) và bồi thường số tiền 1.173.179.000 đồng để đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Cục Hải quan tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu thì 05 hộ trên và các hộ nữa (nhưng ông B không biết họ là ai) xin đăng ký nhận tiền bồi thường và xảy ra tranh chấp. Việc mua đất của ông B và ông H có lập giấy tờ tay nhưng nay đã thất lạc. Toàn bộ chứng cứ thì nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án để chứng minh diện tích đất trên thuộc về gia đình ông B, không phải thuộc về 22 bị đơn trong vụ án.

Vào khoảng năm 1999, ông B bà S1 có đến UBND phường Long Toàn để xin đăng ký quyền sử dụng đất và UBND phường có yêu cầu nộp giấy tờ. Nhưng do giấy tờ mua bán đất với ông H đã thất lạc nên ông B bà S1 chưa được đăng ký để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa, các ông(bà) có yêu cầu: Tòa án công nhận cho các ông(bà) Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Thu T8, Nguyễn Thị Thu V, Nguyễn Hữu T7, Nguyễn Thị S, Nguyễn Hữu P được hưởng chung tiền bồi thường 1.173.179.000 đồng.

2. Đối với bà Nguyễn Thị Thu N5, sinh ngày 06-6-1977, có đăng ký lại giấy khai sinh tại UBND phường Long Toàn ngày 02-11-2000. Theo đơn cung cấp địa chỉ của ông Nguyễn Hữu Đ ngày 14-8-2020, thì bà Nguyệt đang sinh sống tại địa chỉ: 5 Floor, Room No 5, 5 Alley, 531 lane, quarter 2, Thong Shan Street, 10 Commue, Then Xing Waed, Ban Town, Xin Bei City, Taiwan. Ngày 19-9-2020, Tòa án nhân dân huyện Long Điền đã gửi các tài liệu giấy tờ đồng thời hướng dẫn ghi ý kiến(theo phiếu chuyển phát số 794600 ngày 19-9-2020) nhưng đến nay đã quá 4 tháng bà N5 không phản hồi nên không ghi nhận được lời khai của bà N5.

Theo giấy ủy quyền ngày 04-6-2021, bà Nguyễn Thị Thu N5 ủy quyền cho ông Nguyễn Hữu Đ thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà trong vụ án. Tại các phiên tòa, ông Đ đều trình bày ý kiến thay bà N5 là bà N5 có cùng yêu cầu với các ông bà như: Đ, P, T7, T8, và V “Yêu cầu được nhận chung toàn bộ số tiền bồi thường 1.173.179.000 đồng, do đất bị thu hồi đầu tư xây dựng trụ sở làm việc của Cục Hải quan tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Bà Nguyễn Thị L5 trình bày: Bà là con của ông Nguyễn Văn B và bà Hồ Thị S1. Việc ông B khởi kiện tranh chấp đối với 22 hộ dân theo quyết định số 2887 và 2880 của UBND thành phố B ban hành ngày 29-6-2017 bà L5 có biết. Trường hợp Tòa án chấp nhận cho yêu cầu của ông B hay ông Đ thì bà L5 cũng từ chối nhận số tiền đó.

4. Tại công văn số: 3957 ngày 25-5-2020, của UBND thành phố B như sau: UBND thành phố B nhận được công văn số 60/CV-TA ngày 11-3-2020 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền đề nghị cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ có liên quan trong vụ án ông Nguyễn Văn B khởi kiện.

Qua rà soát hồ sơ về các nội dung mà Tòa án yêu cầu, UBND thành phố B có ý kiến như sau:

Khi thực hiện công trình trụ sở làm việc Cục Hải quan tỉnh, phường Long Toàn, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; UBND thành phố đã ban hành quyết định số 2880/QĐ-UBND ngày 29-6-2017 và quyết định số 2887/QĐ-UBND ngày 29-6-2017 v/v thu hồi đất và bồi thường cho tập thể 22 hộ tại phường Long Toàn. Trong danh sách đối tượng bồi thường của công trình không có tên ông Nguyễn Văn B.

Ngày 23-8-2017, UBND phường Long Toàn có mời ông B và 22 hộ dân lên làm việc hòa giải, kết quả hòa giải không thành (có biên bản hòa giải). Sau buổi hòa giải, ông B không có đơn khiếu nại gửi UBND phường Long Toàn, UBND thành phố B.

UBND thành phố chỉ nhận được đơn khiếu nại ngày 10-8-2018 của ông Nguyễn Văn L1 là 1 trong 22 hộ dân thuộc công trình trụ sở làm việc Cục Hải quan Tỉnh. Qua quá trình làm việc giải quyết khiếu nại ngày 11-12-2018, ông L1 có đơn xin rút khiếu nại và đã được UBND thành phố ban hành Thông báo không thụ lý giải quyết đơn số 04/TB-UBND ngày 03-01-2019.

Về số tiền bồi thường:

Ngày 14-5-2020, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố có buổi làm việc với các cơ quan chức năng liên quan, UBND phường Long Toàn (có biên bản) đã xác nhận số tiền bồi thường hiện vẫn chưa được chi trả cho các hộ có liên quan do còn tranh chấp, Chủ đầu tư (Tổng Cục Hải quan) đang quản lý phần kinh phí bồi thường này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 18 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Đ (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn B) đối với các bị đơn: Ông Lê Văn L, ông Nguyễn Văn L1, ông Nguyễn Thành N, ông Bùi Văn N1, ông Thái Văn T1, ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn B1, ông Nguyễn Văn H2, ông Châu Ngọc M1, bà Nguyễn Thị Ánh T2, ông Nguyễn Tân T3, ông Bùi Văn L2, ông Phạm Quốc T4, bà Võ Thị T5, ông Trần Văn L6, ông Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị Thu T5, ông Trần Thế H5, bà Đặng Thị Mai H6, ông Võ Phúc K và bà Lê Thị T7, về việc: “Đòi nhận tiền bồi thường do đất bị thu hồi”.

2. Không công nhận cho các ông(bà) Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Thu T8, Nguyễn Thị Thu V, Nguyễn Hữu T7, Nguyễn Thị S, Nguyễn Hữu P và Nguyễn Thị Thu N5 được hưởng chung tiền bồi thường 1.173.179.000 đồng trong quyết định số 2887/QĐ-UBND ngày 29-6-2017 của UBND thành phố B, về bồi thường hỗ trợ, tái định cư cho tập thể 22 hộ dân gồm: Lê Văn L; Nguyễn Văn L1; Nguyễn Thành N; Bùi Văn N1; Thái Văn T1, Nguyễn Văn H1; Nguyễn Thị D; Nguyễn Văn B1, Nguyễn Văn H2; Châu Ngọc M1; Nguyễn Thị Ánh T2; Nguyễn Văn D1(chết)-ĐD là ông Nguyễn Tân T3 và một số thừa kế khác chưa xác định; Bùi Văn L2; Phạm Quốc T4; Nguyễn Văn N3(chết) –ĐD là bà Võ Thị T5 và một số thừa kế khác chưa xác định; Trần Văn L6; Nguyễn Văn T8(chết) và bà Phạm thị T9 (chết) – ĐD là ông Nguyễn Thanh S và một số thừa kế khác chưa xác định; Nguyễn Thị Thu T5; Trần Thế H5; Đặng Văn T6 (chết) – ĐD là bà Đặng Thị Mai H6 và một số thừa kế khác chưa xác định; Võ Phúc K; Đặng Thị Quyên –ĐD là bà Lê Thị T7 và một số thừa kế khác chưa xác định, địa chỉ: Tổ 6, khu phố 7, phường Long Toàn để đầu tư xây dựng dự án: Trụ sở làm việc Cục Hải quan tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, phường Long Toàn, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tiền án phí và quyền kháng cáo.

Nội dung kháng cáo:

Ngày 31.3.2022, Tòa án nhân dân huyện Long Điền nhận được đơn kháng cáo của các ông(bà) Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Thu T8, Nguyễn Thị Thu V, Nguyễn Hữu T7, Nguyễn Thị S, Nguyễn Hữu P có nội dung yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng: hủy bản án sơ thẩm nếu xét thấy vi phạm tố tụng; hoặc sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các ông(bà) Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Thu T8, Nguyễn Thị Thu V, Nguyễn Hữu T7, Nguyễn Thị S, Nguyễn Hữu P vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng

cáo và các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

- Xét nội dung kháng cáo: Người kháng cáo cho rằng phần diện tích 1.046,5 m² đất bị thu hồi tại phường Long Toàn theo Quyết định bồi thường số 2887/QĐ-UBND ngày 29/6/2017 của UBND thành phố B để xây dựng công trình trụ sở làm việc Cục Hải quan tỉnh, phường Long Toàn, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thuộc thửa đất 112, tờ bản đồ số 35 nằm trong phần diện tích đất trước đây ông B (cha ông Đ) nhận chuyển nhượng đất của ông H vào năm 1972; khi nhận chuyển nhượng có làm giấy viết tay nhưng hiện nay giấy tờ mua bán đã thất lạc; năm 1998 ông B làm thủ tục đăng ký để cấp giấy nhưng không có giấy tờ mua bán nên không được UBND phường Long Toàn cho đăng ký vào sổ mục kê. Tuy giấy tờ mua bán đã thất lạc nhưng phía nguyên đơn cung cấp các tài liệu chứng cứ gồm: “Đơn xin vay kiêm khế ước ngày 10/9/1976 thể hiện ông B xin vay Ngân hàng Quốc gia Việt Nam, chi nhánh huyện Long Đất 400,00 đồng để thuê nhân công làm bờ đùng và sửa ruộng muối; Biên bản giao nhận tiền đền bù ngày 25/5/1998 thể hiện UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có đền bù 52.618.000 đồng khi thu hồi 2.082m² đất đùng của ông để xây dựng nhà máy sản xuất muối công nghiệp phường Long Toàn”; Tuy nhiên những tài liệu này không thể hiện diện tích đất ở đâu số thửa số tờ, Tại biên bản hòa giải ngày 23/8/2017 của UBND phường Long Toàn thì chính các hộ dân tranh chấp đất đùng cũng chỉ thừa nhận ông B đắp bờ, canh tác, sử dụng và hưởng sản lượng tôm cá trên đùng”. Tài liệu chứng cứ do Tòa án cấp sơ thẩm thu thập: Tại hồ sơ địa chính được lưu giữ tại phường Long Toàn, thể hiện năm 2003 ông Lê Văn L đại diện cho 22 hộ dân đứng đơn xin cấp giấy chủ quyền đập nước mặn miếu vũng vắn tọa lạc khu phố 7-p. Long Toàn. Hồ sơ cấp giấy có sơ đồ trích lục địa bộ ngày 13.9.1971 của Ty điền địa, tuy nhiên hộ ông B có đơn ngăn chặn. Mặt khác, theo Bản đồ địa chính Tờ số 33 (E5-III-C) duyệt ngày 10/11/1998 và Sổ mục kê đăng ký đất tờ bản đồ số 35, quyền số 02 được UBND phường Long Toàn cung cấp thì ông Nguyễn Văn B, bà Hồ Thị S1 không đăng ký sử dụng ruộng muối; Do đó, khi thực hiện dự án công trình xây dựng Trụ sở làm việc Cục Hải quan tỉnh, phường Long Toàn, thành phố B, UBND thành phố B đã ban hành Quyết định số 2280/QĐ-UBND và Quyết định số 2887/QĐ-UBND cùng ngày 29/6/2017 về việc thu hồi 1.046,5 m² đất tại Phường Long Toàn của tập thể 22 hộ dân và về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho tập thể 22 hộ dân, thì không có tên ông Nguyễn Văn B và bà Hồ Thị S1 trong danh sách đối tượng bị thu hồi đất và bồi thường. Ngày 23/8/2017 UBND phường Long Toàn có mời ông B và 22 hộ dân làm việc hòa giải, sau buổi hòa giải ông B cũng không có đơn khiếu nại, UBND thành phố B chỉ nhận được đơn khiếu nại ngày 10/08/2018 của ông Nguyễn Văn L1 là một trong 22 hộ dân, sau đó ông L cũng xin rút khiếu nại và được UBND thành phố ban hành Thông báo không thụ lý

giải quyết đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm ông Đ xác nhận ông cùng ông B sử dụng đùng từ năm 1976 đến nay nhưng khi thu hồi đùng ông và ông B không được UBND phường Long Toàn mời kiểm kê việc đền bù; đến khi biết được hai quyết định số 2280/QĐ-UBND và Quyết định số 2887/QĐ-UBND cùng ngày 29/6/2017 không có tên ông B thì đã hết thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án ra Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ nhưng ông B, ông Đ không cung cấp được theo yêu cầu của Tòa án; ông B, ông Đ cho rằng phần diện tích đất bị thu hồi nằm trong phần đất trước đây ông B nhận chuyển nhượng có lập giấy tay nhưng đã thất lạc, ông B chỉ có lời khai, không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho Tòa án nên không có cơ sở để chấp nhận. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Văn B nay là ông Nguyễn Văn Đ (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông B) là có cơ sở.

Đối với những nội dung kháng cáo khác của nguyên đơn về việc Tòa án vi phạm tố tụng như: Tòa án cấp sơ thẩm chưa tiến hành thu thập những nội dung mà ông Đ yêu cầu. Xét thấy rằng, những yêu cầu này cấp sơ thẩm không chấp nhận là có cơ sở.

Tại phiên tòa, ông Lý Mộng K1 đại diện cho 22 bị đơn xác nhận gia đình ông B cũng có công giữ đùng nên đồng ý hỗ trợ cho gia đình ông B số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng. Xét sự đồng ý hỗ trợ của ông K1 đại diện cho 22 bị đơn là tự nguyện, có lợi cho gia đình ông B nên ghi nhận.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các ông (bà): Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Thị Thu V, Nguyễn Thị S, Nguyễn Hữu P, Nguyễn Hữu T7, Nguyễn Thu T8 và áp dụng khoản 2, Điều 308, Điều 309 BLTTDS sửa Bản án số 08/2022/DS-ST ngày 18/03/2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền để ghi nhận nội dung tự nguyện của 22 bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của các ông(bà) Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Thu T8, Nguyễn Thị Thu V, Nguyễn Hữu T7, Nguyễn Thị S, Nguyễn Hữu P đảm bảo đúng thủ tục, nội dung và nộp trong thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên hợp lệ. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Xét sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Các đương sự trong vụ án vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét nội dung kháng cáo của các ông(bà) Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Thu T8, Nguyễn Thị Thu V, Nguyễn Hữu T7, Nguyễn Thị S, Nguyễn Hữu P thì thấy:

[2.1] Xét yêu cầu của đương sự:

Ông Nguyễn Hữu Đ (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn B đã chết) yêu cầu Tòa án xác định cho gia đình ông Nguyễn Văn B là người được nhận số tiền 1.173.179.000 đồng, mà không phải là 22 bị đơn được thể hiện tại Quyết định số 2887/QĐ-UBND ngày 29-6-2017 của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

[2.2] Để có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B, cần phải xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để chứng minh ông B là chủ sử dụng đất hợp pháp đối với diện tích 1.046,5 m² thuộc thửa đất 112, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại phường Long Toàn, thành phố Bà Rịa bị thu hồi tại Quyết định 2880/QĐ-UBND ngày 29-6-2017; Hội đồng xét xử nhận thấy:

+ Xét chứng cứ mà ông Nguyễn Văn B cung cấp thì thấy:

Thứ nhất, xét chứng cứ là Đơn xin vay kiêm khế ước ngày 10-9-1976:

Nội dung của đơn này thể hiện ông B, bà S1 vay tiền Ngân hàng Quốc gia Việt Nam số tiền 400 đồng để thuê công nhân làm bờ đùng và sửa ruộng muối; tuy nhiên, không thể hiện bờ đùng và ruộng muối thuộc thửa đất nào, nằm ở vị trí nào, bờ đùng và ruộng muối không có thể hiện tứ cận, giáp ranh; nên không có cơ sở để khẳng định bờ đùng, ruộng muối chính là phần diện tích đất 1.046,5 m² bị thu hồi.

Thứ hai, xét chứng cứ là Biên bản giao nhận tiền đền bù ngày 25-5-1998: Nội dung của Biên bản thể hiện Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phê duyệt kinh phí đền bù và trợ cấp cho 04 hộ dân phải giải tỏa để xây dựng nhà máy sản xuất muối, trong đó hộ ông B được nhận số tiền 52.618.000 đồng do bị thu hồi 2.082,5 m² đất. Dựa vào nội dung của Biên bản này không có cơ sở nào để chứng minh gia đình ông B là chủ sử dụng đất hợp pháp của diện tích đất 1.046,5 m² bị thu hồi.

Thứ ba, xét chứng cứ là biên bản hòa giải ngày 23-8-2017: Nội dung của Biên bản là hòa giải tranh chấp giữa ông B, bà S1 với 22 hộ dân (là bị đơn trong vụ án); thì các hộ dân này chỉ thừa nhận: ông B là người giữ đùng, tu sửa bờ đùng, đắp bờ để ăn tôm, ăn cá, không phải là người quản lý, sử dụng hợp pháp đùng; không có ai thừa nhận diện tích đất 1.046,5 m² thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông B. Biên bản ghi rõ nội dung các bên không tự thương lượng, hòa giải được.

+ Xét chứng cứ do Tòa án thu thập thì thấy:

Thứ nhất, sổ Mục kê đất ngày 06-11-1998 của Ủy ban nhân dân phường Long Toàn và được Sở Địa chính tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ký ngày 10-11-1998, thì ông B bà S1 có đăng ký đất ruộng muối, nhưng không phải là thửa đất số 112, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại phường Long Toàn.

Thứ hai, Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư ngày 19-10-2016 của Ủy ban nhân dân Phường Long Toàn xác nhận: Hồ, đập nước mặn Vũng Vằn là của tập thể 22 hộ dân (không có tên ông B, bà S1) sử dụng chứa nước để canh tác ruộng muối đối với diện tích 23.902,4 m² thuộc thửa 112, tờ bản đồ số 35.

Thứ ba, ngày 29-6-2017, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành quyết định thu hồi đất số 2880/QĐ-UBND và Quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho tập thể 22 hộ dân gồm: Lê Văn L; Nguyễn Văn L1; Nguyễn Thành N; Bùi Văn N1; Thái Văn T1, Nguyễn Văn H1; Nguyễn Thị D; Nguyễn Văn B1, Nguyễn Văn H2; Châu Ngọc M1; Nguyễn Thị Ánh T2; Nguyễn Văn D1 (chết) - ĐD là ông Nguyễn Tấn T3 và một số thừa kế khác chưa xác định; Bùi Văn L2; Phạm Quốc T4; Nguyễn Văn N3 (chết) – ĐD là bà Võ Thị T5 và một số thừa kế khác chưa xác định; Trần Văn L6; Nguyễn Văn T8 (chết) và bà Phạm thị T9 (chết) – ĐD là ông Nguyễn Thanh S và một số thừa kế khác chưa xác định; Nguyễn Thị Thu T5; Trần Thế H5; Đặng Văn T6 (chết) – ĐD là bà Đặng Thị Mai H6 và một số thừa kế khác chưa xác định; Võ Phúc K; Đặng Thị Quyên – ĐD là bà Lê Thị T7 và một số thừa kế khác chưa xác định, địa chỉ: Tổ 6, khu phố 7, phường Long Toàn để đầu tư xây dựng dự án: Trụ sở làm việc Cục Hải quan tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Cả hai quyết định trên không có tên ông Nguyễn Văn B hay bà Hồ Thị S1. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại Công văn số 3957/UBND-VP ngày 25-5-2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B đều xác định: việc thu hồi đất, đền bù nêu trên ông B và 22 hộ diêm dân không ai có khiếu nại, trình tự và thủ tục được thực hiện đúng quy định của pháp luật, quyết định đã có hiệu lực thi hành.

Từ những phân tích về chứng cứ có trong vụ án ở trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: không có căn cứ để xác định ông Nguyễn Văn B, bà Hồ Thị S1 là người sử dụng đất hợp pháp đối với diện tích đất 1.046,5 m² thuộc một phần thửa số 112, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại phường Long Toàn, thành phố B; do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông B và các con của ông B, bà S1 là hoàn toàn có căn cứ.

Đối với ý kiến của ông Nguyễn Hữu Đ và những người kháng cáo nêu trong đơn kháng cáo nghi ngờ có sự kê khai khống để nhận tiền bồi thường dùng, vì có rất nhiều trong số 22 hộ là người lạ mặt, không có ruộng muối ở khu vực này nên yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm làm rõ; Hội đồng xét xử xét thấy: việc xem xét thu hồi đất, phê duyệt kinh phí bồi thường cho 22 hộ dân thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố B; Tòa án không can thiệp vào chức năng, nhiệm vụ của cơ quan hành chính nhà nước; nên cấp sơ thẩm không thu thập làm rõ là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến của người kháng cáo nêu trong đơn kháng cáo phải triệu tập hết người thừa kế của những người đã chết thể hiện trong Quyết định hành chính tham gia tố tụng, nhưng cấp sơ thẩm không thực hiện nên xác định là vi phạm nghiêm trọng tố tụng; Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc triệu tập họ tham gia hay không tham gia cũng không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông B bà S1; 22 hộ dân trong quyết định (là bị đơn trong vụ án) không có tranh chấp nhau về khoản tiền nhận đền bù, về hàng thừa kế của người chết; vụ án này bản chất tranh chấp là gia đình ông B yêu cầu xác định ông B, bà S1 là người được nhận số tiền 1.173.179.000 đồng từ Chủ đầu tư dự án trụ sở làm việc Cục Hải quan tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên không cần thiết phải triệu tập hết những người thừa kế như ý kiến của người kháng cáo.

Tại phiên tòa, ông Lý Mộng K1 đại diện cho 22 bị đơn xác nhận gia đình ông B cũng có công giữ đùng nên đồng ý hỗ trợ cho gia đình ông B số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng. Xét sự đồng ý hỗ trợ của ông K1 đại diện cho 22 bị đơn là tự nguyện, có lợi cho gia đình ông B nên ghi nhận là phù hợp.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các ông (bà) Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Thu T8, Nguyễn Thị Thu V, Nguyễn Hữu T7, Nguyễn Thị S, Nguyễn Hữu P. Sửa bản án sơ thẩm để ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ tiền của 22 bị đơn cho gia đình ông B.

Về án phí:

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí sơ thẩm: Miễn án phí cho ông Nguyễn Văn B.

[4.2] Án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên các ông(bà) Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Thu T8, Nguyễn Thị Thu V, Nguyễn Hữu T7, Nguyễn Thị S, Nguyễn Hữu P phải nộp án phí phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các ông (bà) Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Thu T8, Nguyễn Thị Thu V, Nguyễn Hữu T7, Nguyễn Thị S, Nguyễn Hữu P;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 18-3-2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, cụ thể như sau:

Áp dụng: Các Điều 99, 100, 101, 102 Luật Đất đai năm 2013; Điều 26, 29 Điều 12, Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Đ (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn B) về việc: “Đòi nhận khoản tiền bồi thường do quyền sử dụng đất bị thu hồi”.

2. Không công nhận cho các ông (bà) Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Thu T8, Nguyễn Thị Thu V, Nguyễn Hữu T7, Nguyễn Thị S, Nguyễn Hữu P và Nguyễn Thị Thu N5 được nhận tiền bồi thường 1.173.179.000 đồng trong quyết định số 2887/QĐ-UBND ngày 29-6-2017 của UBND thành phố B.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của 22 bị đơn, theo đó các ông (bà): Lê Duy H, Lê Thị Thu B, Nguyễn Văn L1, Trần Thị B1, Nguyễn Thành N, Đinh Thị Kim T, Bùi Văn N1, Võ Thị Tuyết M, Thái Hiệp T2, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Thị D, Nguyễn Văn B1, Võ Thị Tuyết M, Nguyễn Văn H2, Châu Ngọc M1, Nguyễn Thị Ánh T2, Nguyễn Tấn T3, Phan Thị X, Bùi Văn L2, Ngô Thị N2, Phạm Quốc T4, Nguyễn Thị L4, Nguyễn Thị H3, Nguyễn Thị L5, Trần Văn L6, Đoàn Thị H4, Nguyễn Thị Thu T5, Trần Thế H5, Đặng Thị Mai H6, Huỳnh Công B1, Lê Thị T7 và ông Nguyễn Thanh S có trách nhiệm giao cho ông (bà) Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Thu T8, Nguyễn Thị Thu V, Nguyễn Hữu T7, Nguyễn Thị S, Nguyễn Hữu P và Nguyễn Thị Thu N5 số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí cho ông Nguyễn Văn B.

5. Án phí dân sự phúc thẩm:

Các ông (bà) Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Thu T8, Nguyễn Thị Thu V, Nguyễn Hữu T7, Nguyễn Thị S, Nguyễn Hữu P phải nộp 300.000 đồng; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008809 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền lập ngày 31/3/2022; đã nộp xong.

6. Kể từ ngày người được thi hành án, có đơn yêu cầu thi hành nếu bên phải thi hành án chưa thanh toán hết số tiền trên, thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND huyện Long Điền;
- Chi cục THADS huyện Long Điền;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Xuân Long